

HI VỌNG ĐƯỢC THẤP LÊN Ở PHÚT BÙ GIỜ!

Phiên giao dịch đầu tuần mới diễn biến khá tệ với một phiên giao dịch giảm sâu trước những áp lực từ việc giảm điểm mạnh của các thị trường chứng khoán lớn và những nỗ lực hồi phục đã diễn ra mạnh mẽ ở cuối phiên giúp thu hẹp đà giảm. VNIndex đóng cửa giảm 13.63 điểm (-1.42%) là mức giảm tương đối trong khi có những thời điểm giảm tới gần 30 điểm trong phiên và thanh khoản toàn thị trường đạt hơn 4.800 tỷ đồng với tín hiệu mua ròng trở lại của khối ngoại. Áp lực giảm điểm chủ yếu đến từ các cổ phiếu ngành ngân hàng như TCB, BID, CTG, VPB và một số cổ phiếu vốn hóa lớn khác như MSN, VHM, VJC... trong khi đó những nỗ lực hồi phục của SAB, VNM, VCB, HPG, GAS, NVL đã giúp thị trường thu hẹp đà giảm ở những phút cuối phiên giao dịch

Nhóm ngành ngân hàng phiên hôm nay tiếp tục có phiên giao dịch khá tệ và vẫn là áp lực kéo xuống chủ đạo của các chỉ số với ACB, BID, CTG, MBB, VPB giảm khá mạnh trong khi đó HDB, VCB vẫn neo giá tốt và thậm chí hồi phục trở lại đóng cửa tăng giá đã giúp tâm lý thị trường bớt căng thẳng hơn. Các cổ phiếu ngành ngân hàng như ACB, BID, MBB, CTG đã xuyên thủng mức hỗ trợ quan trọng đợt cuối tháng 5/2018 nên tạo ra nhiều áp lực giảm điểm cho thị trường cũng như mang tính chỉ báo tiêu cực giai đoạn hiện tại. Nhóm ngành chứng khoán cũng giảm khá mạnh phiên hôm nay với HCM, SSI, VND vài lần bị bán sàn trong phiên và chốt phiên với mức giảm mạnh. Ngoài ra, nhiều cổ phiếu tiếp tục bị cuốn theo chiều giảm của thị trường với mức giảm rất mạnh và nhanh trong các phiên gần đây trong đó có nhiều cổ phiếu cơ bản lớn như PNJ, FPT khiến tâm lý lo ngại càng tăng thêm. Ở chiều ngược lại chúng tôi ghi nhận một vài nỗ lực hồi phục từ VCB, HPG, GAS, VNM, SAB và điều này có thể tạo ra một chút hi vọng hồi phục cho các phiên giao dịch tới

Khối ngoại mua ròng trở lại tương đối là điều tích cực hiếm hoi trong phiên giao dịch hôm nay với qui mô mua ròng hơn 220 tỷ trên sàn HOSE và số lượng cổ phiếu mua được trải đều trên nhiều cổ phiếu lớn. Khối này mua ròng mạnh DXG (2.4 triệu), HPG (1.2 triệu), VCB (1.3 triệu) GAS, BID, VRE, PLX trong đó ở chiều bán khối này bán ròng nhẹ MSN, SSI, VNM... Trong bối cảnh dòng tiền liên tục bị rút ròng ở các thị trường cận biên và mới nổi trong suốt thời gian qua gây ra lo ngại đổ vỡ cho các thị trường trong khu vực trong đó có TTCKVN thì việc mua ròng trở lại trong phiên giao dịch hôm nay mang nhiều màu sắc tích cực và hi vọng cho thị trường trong giai đoạn khó khăn hiện tại

Như trao đổi trong các bản tin trước chúng tôi vẫn quan ngại về rủi ro để vỡ hỗ trợ quanh 920 của VNIndex được thiết lập vào cuối tháng 5/2018 bởi nếu điều này xảy ra thị trường sẽ xác nhận bước sang "thị trường con Gấu". Động thái mua ròng trở lại của khối ngoại phiên hôm nay ở một số cổ phiếu trụ cột tạo ra một chút hi vọng về việc giữ được hỗ trợ 920 và ít nhất cũng tạo ra một số cơ hội hồi phục trong phiên tiếp theo. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn duy trì quan điểm thận trọng bởi rủi ro hiện vẫn đang rất lớn với những rủi ro xuất hiện từ thị trường tài chính thế giới hoàn toàn có thể vượt khỏi sự tiên lượng của nhiều thành phần tham gia thị trường. Do đó, các đợt hồi phục xuất hiện tiếp tục là cơ hội để giảm bớt tỷ trọng chứng khoán và dự phòng cho các rủi ro lớn có thể xảy ra

Thông kê	HOSE
Đóng cửa	947.2
% Thay đổi	-1.42
Khối lượng	168.2
Giá trị (tỷ đồng)	4,087.3
Số mã tăng	61
Số mã giảm	234
Không thay đổi	65

Hàng hóa & Tiền tệ	Giá đóng cửa
Gold(USD/Oz)	1,250
WTI Oil (\$/B) 1Mth	74
Brent Oil (\$/B) 1Mth	79
USDVND	22,970
EURVND	26,927

VNINDEX



HNX-INDEX



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.57	-4.50%	15.01	3.89
Thực phẩm và đồ uống	19.85	-0.03%	26.49	7.93
Năng lượng	3.04	-0.33%	18.93	2.83
Tài chính	26.27	-2.88%	15.9	2.64
Y tế	1.11	-0.93%	18.86	3.47
Công nghiệp	7.48	-2.49%	14.62	3.47
Công nghệ thông tin	0.87	-2.85%	8.4	1.95
Vật liệu và hóa chất	4.09	-1.07%	13.01	1.78
Bất động sản	27.00	-0.69%	45.42	5.38
Dịch vụ tiện ích	7.31	-0.07%	16	3.41

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,408.0	-2.93%	12.94	1.67	4,087.1
India	10,661.9	-0.49%	21.88	2.93	1,128.9
Indonesia	5,746.8	-0.90%	19.69	2.22	454.1
Laos	897.5	-0.66%	6.60	0.35	1.2
Malaysia	1,685.1	-0.38%	17.37	1.79	262.1
Philippines	7,228.0	0.48%	18.46	2.03	167.9
Taiwan	10,777.9	-0.54%	14.61	1.66	1,057.3
Thailand	1,597.7	0.13%	16.10	1.85	484.4
Vietnam	947.2	-1.42%	17.73	2.59	132.7

Nguồn: Bloomberg

HOSE					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
SAB	230,000	4,500	2.0	57,880	0.947
VNM	171,000	1,000	0.6	974,640	0.477
VCB	58,100	100	0.2	2.85MLN	0.118
HNG	10,450	250	2.5	3.12MLN	0.063
PGD	40,000	1,850	4.9	13,310	0.055

HNX					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
VCS	84,500	6,200	7.9	358,100	0.135
IVS	13,500	1,200	9.8	893,200	0.024
VNC	50,000	4,500	9.9	2,200	0.023
TTB	23,500	400	1.7	621,400	0.013
VGC	20,700	100	0.5	4.67MLN	0.012

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
TCB	87,900	-3,800	-4.1	669,570	-1.454
CTG	23,100	-1,150	-4.7	5.92MLN	-1.406
BID	24,750	-1,250	-4.8	3.54MLN	-1.403
MSN	76,000	-3,000	-3.8	1.50MLN	-1.146
VHM	111,300	-1,100	-1.0	456,190	-0.968

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
ACB	33,300	-2,300	-6.5	6.86MLN	-1.927
SHB	7,800	-400	-4.9	6.52MLN	-0.445
PVS	16,700	-600	-3.5	4.93MLN	-0.146
CEO	12,300	-900	-6.8	1.75MLN	-0.091
NVB	7,400	-200	-2.6	322,500	-0.062

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
HPG	38,400	0	0.0	235	0.000
SSI	27,500	-1,000	-3.5	204	-0.164
DXG	26,300	-850	0.0	183	-0.096
VNM	171,000	1,000	0.6	166	0.477
VCB	58,100	100	0.0	162	0.000

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
ACB	33,300	-2,300	-6.5	231	0.000
VGC	20,700	100	0.5	96	0.000
PVS	16,700	-600	-3.5	82	0.000
SHB	7,800	-400	-4.9	52	0.000
VCS	84,500	6,200	7.9	30	0.000

Nguồn: Bloomberg 02/07/18

TIN DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HBC – HOSE) - Hòa Bình trúng 5 gói thầu trị giá hơn 5,000 tỷ đồng: tổng thầu toàn bộ dự án Empire City tại Thủ Thiêm, quận 2, TP HCM với tổng giá trị gói thầu khoảng 3.037 tỷ đồng. Tổng thầu thiết kế và thi công (D&B) toàn bộ dự án Mizuki Park (quận Bình Chánh, TP HCM) với tổng giá trị hợp đồng hơn 1.497 tỷ đồng. Thi công móng và hầm dự án Khu Chung cư Dragon Hill Premier (quận 5, TP.HCM) với tổng giá trị gói thầu 226 tỷ đồng. Tập đoàn Sun Group giao giai đoạn 2 dự án Euro Shophouse gồm 164 căn shophouse cao 5 tầng tại Hạ Long, Quảng Ninh với tổng giá trị gói thầu 264 tỷ đồng. Tại Phú Quốc, Hòa Bình được giao thi công phần kết cấu bê tông cốt thép và hoàn thiện cơ bản Clubhouse và khu hồ bơi (2.500 m2) dự án Club House 2 - Vinpearl Phú Quốc, trị giá hơn 45 tỷ đồng.

Như vậy tính trong 6 tháng đầu năm, tổng giá trị Hòa Bình trúng thầu là 14.342 tỷ đồng. Ngoài ra, Hòa Bình cũng vừa cất nóc dự án Riviera Point vượt tiến độ 3 tháng, dự án Serenity Sky Villas đúng tiến độ.

CTCP Vicostone (VCS - HNX) – Ước lãi gần 296 tỷ đồng quý II, mua tối đa 1.6 triệu cổ phiếu quỹ: HĐQT VCS vừa thông qua việc mua lại tối đa 1% tổng số cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 1,6 triệu cp nhằm mục đích hỗ trợ thị giá và phục vụ tái cơ cấu ngắn hạn, dài hạn. Nguồn thực hiện được lấy từ thặng dư vốn cổ phần hoặc các nguồn khác phù hợp. Thời gian giao dịch dự kiến trong vòng 30 ngày sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Số lượng đặt mua hàng ngày dự kiến tối thiểu 3% tổng khối lượng giao dịch, tương đương 48.000 cp và tối đa 10% tổng số lượng dự kiến giao dịch, tương đương 160.000 cp. Giao dịch mua theo giá thị trường. Vicostone cũng có văn bản gửi tới nhà đầu tư về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý II với ước doanh thu 1.195 tỷ đồng và lãi ròng 296 tỷ đồng.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

(Đơn vị: nghìn VND)

Ngày KN	Cổ phiếu	Lý do khuyến nghị	Trạng thái hiện tại	Kế hoạch giao dịch ngày 03.07	Giá hiện tại	Hiệu quả KN
15.05.2018	VND	Giao dịch dài hạn MUA VÀ NẮM GIỮ ở vùng 20-21 Vùng giá 20-21 là vùng giá khối ngoại và dòng tiền lớn giao dịch mua mạnh giai đoạn đầu năm và giữ vai trò hỗ trợ quan trọng. Chiến lược thích hợp là mua gom, lý tưởng là khi giao dịch sụt giảm.	Trạng thái dài hạn giá 21		16.5	-21%
11.04.2018	DIG	Doanh nghiệp sở hữu quỹ đất lớn (khoảng 1500 ha) với giá vốn thấp trong bối cảnh thị trường BĐS phân khúc trung cấp vẫn duy trì sức cầu tốt. DIG sẽ ghi nhận DT, LN từ các dự án đã mở bán trong thời gian trước, từ cuối 2017-2019 sẽ là điểm rơi lợi nhuận. Dự kiến sẽ duy trì được LNST 400-500 tỷ/năm GD 2018-2020. Định giá NAV và PB PE: Giá hợp lý vào khoảng 30,000/cổ phần. Giao dịch của cổ đông tổ chức diễn ra mạnh ở vùng 21-25, đây là vùng giá họ có động cơ bảo vệ trạng thái.	Trạng thái dài hạn 21-23		16.6	-24.5%

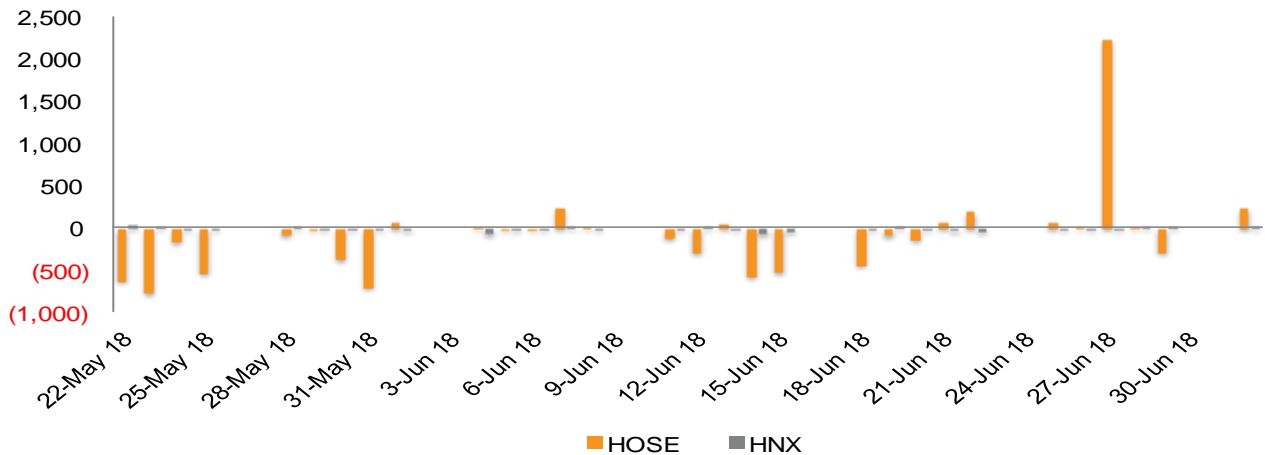
*Những cổ phiếu nằm trong danh mục khuyến nghị của Sales & Trading có thể đồng thời thỏa mãn tiêu chí đầu tư dài hạn (Ví dụ VND Trạng thái dài hạn mua 19.5 và nắm giữ) đồng thời thỏa mãn tiêu chí đầu tư ngắn hạn (Ví dụ Trạng thái ngắn hạn mua giá 22.2 và chưa bán)

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

KLGĐ (triệu CP)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước		GTGD (Tỷ đồng)	so với phiên giao dịch trước		HNX
	HOSE		HNX			HOSE		
MUA	19.2	44.4%	0.8	32.6%	MUA	922.5	26.6%	14.2
% of market	11.5%	0-Jan	1.9%	0-Jan	% of market	22.9%	0-Jan	2.0%
BÁN	11.8	-31.3%	0.7	145.3%	BÁN	684.9	-32.5%	12.4
% of market	7.0%	0-Jan	1.5%	0-Jan	% of market	17.0%	0-Jan	1.7%
MUA (BÁN) RÒNG	7.40		0.2		MUA (BÁN) RÒNG	237.6		1.8

Nguồn: HSX, HNX

Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)



LŨY KẾ 2018

KLGĐ (triệu CP)	HOSE		HNX		GTGD (Tỷ đồng)	HOSE		HNX	
		% of 2017		% of 2017			% of 2017		% of 2017
MUA	2,771.9	78.2%	278.8	69.6%	MUA	165,694.8	98.1%	5,308.2	63.7%
% of market	10.6%	0-Jan	3.8%	0-Jan	% of market	20.6%	0-Jan	3.2%	0-Jan
BÁN	2,435.1	74.8%	312.7	76.8%	BÁN	131,171.8	90.8%	6,246.9	72.5%
% of market	9.3%	0-Jan	4.2%	0-Jan	% of market	16.3%	0-Jan	3.7%	0-Jan
MUA (BÁN) RÒNG	336.8		(33.9)		MUA (BÁN) RÒNG	34,523		(938.7)	

Nguồn: HSX, HNX

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
VNM	170,000	1,000	0.59	235.6	0.477
HPG	38,400	0	0.00	89.3	0.000
DXG	27,150	-850	0.00	83.6	-0.096
VCB	58,100	100	0.00	81.2	0.000
VIC	107,500	-300	-0.28	67.4	-0.260

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
PVS	17,300	-600	-3.47	10.2	0.000
TV2	97,000	1,000	1.04	1.2	0.000
TNG	10,100	-300	-2.88	0.5	0.000
IVS	13,500	1,200	9.76	0.4	0.000
DGC	31,500	-300	-0.94	0.2	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)					
Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index
VNM	170,000	1,000	0.59	279.7	0.477
VIC	107,500	-300	-0.28	73.7	-0.260
SSI	27,500	-1,000	-3.51	62.9	-0.164
VHM	112,400	-1,100	0.00	47.1	0.000
HPG	38,400	0	0.00	42.5	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)					
Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index
VGC	20,700	100	0.49	11.0	0.000
SHS	12,900	-600	-4.44	0.4	0.000
SHB	8,200	-400	-4.88	0.2	0.000
AAV	16,700	0	0.00	0.1	0.000
VNC	50,000	4,500	9.89	0.1	0.000

Top mua ròng					
Top mua ròng					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index
VCB	58,100	100	0.00	75.3	0.000
DXG	27,150	-850	0.00	63.4	-0.096
HPG	38,400	0	0.00	46.8	0.000
GAS	88,500	-100	0.00	41.2	0.000
BID	24,750	-1,250	-4.81	34.8	-1.402

Top mua ròng					
Top mua ròng					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index
PVS	17,300	-600	-3.47	10.2	0.000
TV2	97,000	1,000	1.04	1.2	0.000
TNG	10,100	-300	-2.88	0.5	0.000
IVS	13,500	1,200	9.76	0.3	0.000
DGC	31,500	-300	-0.94	0.2	0.000

Top bán ròng					
Top bán ròng					VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index
VNM	170,000	1,000	0.59	-44.1	0.477
MSN	79,000	-3,000	0.00	-22.0	0.000
SSI	27,500	-1,000	-3.51	-15.4	-0.164
VIC	107,500	-300	-0.28	-6.3	-0.260
VHM	112,400	-1,100	0.00	-5.5	0.000

Top bán ròng					
Top bán ròng					VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index
VGC	20,700	100	0.49	-10.94	0.000
SHS	12,900	-600	-4.44	-0.28	0.000
AAV	16,700	0	0.00	-0.12	0.000
VCS	78,300	6,200	7.92	-0.08	0.000
SHB	8,200	-400	-4.88	-0.08	0.000

02/07/2018

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KLGDBQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	107,200	9.0	5.5	65.9	342,142	3,192	49.3	20.5	2,410,912	55.5	9.7	16.3	2.3
2 VHM	111,300	-4.5	N/A	N/A	298,241	2,680	100.0	33.0	928,250	47.4	3.2	N/A	N/A
3 VNM	171,000	1.7	-14.4	-19.1	248,163	1,451	43.9	40.5	774,928	27.4	9.6	35.8	30.3
4 VCB	58,100	1.9	-21.5	5.6	209,030	3,598	22.9	9.4	2,819,465	20.1	3.7	19.6	1.2
5 GAS	88,400	-4.4	-35.0	-7.2	169,193	1,914	4.2	45.6	725,699	17.2	3.8	23.9	15.9
6 SAB	230,000	-6.1	-3.4	-8.8	147,495	641	10.4	39.3	68,590	31.8	10.2	34.8	23.8
7 TCB	87,900	N/A	N/A	N/A	102,450	1,166	100.0	0.0	N/A	11.4	3.2	27.7	2.6
8 CTG	23,100	-15.8	-36.2	-7.4	86,011	3,723	15.8	0.0	4,845,116	11.0	1.3	12.6	0.7
9 BID	24,750	-16.7	-45.0	-8.3	84,613	3,419	4.4	27.6	2,799,892	12.2	1.8	15.1	0.6
10 HPG	38,400	-5.7	-8.9	12.7	81,558	2,124	55.8	10.0	6,855,034	9.7	2.4	29.8	18.1
11 MSN	76,000	-9.4	-33.7	-5.0	80,047	1,053	36.7	19.9	982,872	22.0	5.4	24.3	5.7
12 VJC	139,000	4.8	-26.9	13.1	75,284	542	53.2	5.4	613,157	14.7	7.1	67.1	19.7
13 VRE	38,700	-14.9	-22.4	-18.3	73,572	1,901	100.0	17.1	1,692,954	48.9	2.8	5.7	5.6
14 PLX	58,500	-6.4	-31.1	-22.0	67,791	1,159	6.3	9.2	572,091	20.0	3.2	16.0	5.5
15 VPB	27,700	3.2	-30.2	9.6	67,119	2,423	78.8	0.0	5,109,669	10.4	2.4	26.9	2.5
16 BVH	77,000	-15.1	-20.7	12.9	53,968	701	31.2	23.7	148,340	32.5	3.7	11.7	1.9
17 NVL	51,100	-1.0	-29.0	2.2	46,371	907	33.9	39.6	3,027,527	20.2	3.3	18.7	4.7
18 MBB	24,850	-15.0	-30.6	-6.4	45,115	1,816	61.4	0.0	5,093,047	10.8	1.5	15.2	1.5
19 HDB	36,200	-12.1	-20.6	N/A	35,512	981	100.0	2.7	1,623,375	18.4	2.5	14.9	1.0
20 MWG	107,000	-1.8	-2.8	-18.9	34,549	323	76.7	0.0	751,059	13.6	4.8	42.1	13.0
21 FPT	40,200	-13.5	-24.8	-22.7	24,665	614	73.9	0.0	1,020,817	8.1	2.1	27.7	11.4
22 ROS	40,300	-33.9	-66.5	-71.5	22,874	568	27.0	46.6	857,294	29.2	4.0	14.7	8.6
23 BHN	91,500	-11.9	-28.8	-31.9	21,210	232	0.9	31.4	1,340	33.0	5.6	17.3	6.7
24 STB	11,100	-5.5	-29.7	-17.2	20,021	1,804	94.0	13.1	4,708,031	14.6	0.8	5.8	0.4
25 TPB	27,000	-3.6	N/A	N/A	17,977	666	95.3	0.0	306,097	15.7	2.3	15.9	0.8
26 EIB	14,300	-1.0	2.9	13.0	17,581	1,229	83.8	0.0	263,304	15.5	1.2	8.0	0.8
27 SSI	27,500	-15.0	-32.6	-5.5	13,746	500	59.8	44.8	5,155,334	10.6	1.5	14.8	7.2
28 PNJ	81,000	-28.8	-40.6	-9.1	13,133	162	64.4	0.0	521,114	16.6	4.1	32.8	19.6
29 DHG	100,000	-4.3	-10.6	-13.0	13,075	131	31.8	1.9	164,393	23.0	4.7	19.5	15.9
30 KDH	30,800	-7.5	-16.8	12.4	11,945	388	61.1	4.8	96,016	18.4	1.9	10.2	5.8
31 CTD	148,000	3.8	-5.7	-34.9	11,587	78	88.0	7.3	293,227	7.3	1.5	22.0	12.6
32 REE	30,650	-7.4	-19.8	-29.1	9,503	310	75.3	0.0	395,382	6.7	1.2	19.2	10.9
33 HNG	10,450	33.6	23.2	11.8	9,268	887	44.8	55.2	2,126,410	14.9	0.8	5.0	1.7
34 VCI	76,800	-15.6	-33.5	-4.7	9,216	120	95.1	8.4	82,224	13.3	3.1	30.5	13.9
35 DXG	26,300	-17.8	-20.5	34.2	9,003	342	71.8	6.3	3,816,695	9.8	2.2	24.6	10.9
36 GEX	32,100	-1.5	-12.7	N/A	8,564	267	71.6	33.5	345,032	10.6	2.0	22.3	6.9
37 NT2	29,100	3.0	-5.7	-14.9	8,377	288	32.1	28.2	329,439	11.0	1.6	14.6	6.8
38 PDR	30,500	0.7	-9.2	1.1	8,125	266	37.4	41.7	970,471	15.3	2.7	19.7	5.5
39 YEG	296,700	N/A	N/A	N/A	8,121	27	100.0	0.0	N/A	119.9	23.2	29.0	11.6
40 TCH	21,500	-23.8	2.4	0.7	7,595	353	51.2	45.2	831,140	17.6	1.7	10.0	9.2
41 SBT	14,450	-3.7	-17.0	-29.2	7,159	495	47.4	92.7	2,243,835	13.0	1.1	7.4	3.3
42 GMD	24,400	-6.2	-18.7	-30.3	7,034	288	59.6	0.0	500,364	4.2	1.2	29.8	16.8
43 PAN	58,500	-6.3	-10.0	54.6	7,030	120	59.8	59.4	45,885	15.3	2.5	16.5	7.6
44 HCM	53,100	-18.3	-37.8	-10.8	6,880	130	38.0	40.0	268,626	8.8	2.3	28.3	15.5
45 KDC	33,300	-2.1	-13.3	-20.7	6,849	206	39.5	29.2	168,694	22.2	1.1	5.0	3.2
46 VPI	42,750	N/A	N/A	N/A	6,840	160	100.0	38.8	N/A	9.9	3.7	38.8	13.1
47 DPM	16,800	-0.6	-22.8	-22.4	6,574	391	35.2	28.8	886,403	11.8	0.8	8.0	6.1
48 CII	25,600	-8.9	-15.2	-30.4	6,310	246	69.2	13.1	613,475	21.2	1.3	6.1	1.5
49 NLG	28,100	6.0	-18.6	10.1	5,898	210	62.1	0.0	478,141	10.1	2.0	19.1	7.9
50 PME	73,500	4.4	1.1	-3.4	5,513	75	99.0	0.0	6,596	17.0	3.4	19.3	16.0
51 PPC	17,000	-2.9	-11.5	-28.3	5,450	321	24.6	33.5	170,424	6.0	1.0	16.1	10.8
52 KBC	11,600	-5.7	-15.6	-15.0	5,449	470	75.2	31.4	2,386,260	8.8	0.6	7.5	4.0
53 DCM	10,250	-2.4	-17.3	-24.4	5,426	529	24.4	44.9	377,670	10.0	0.9	8.7	4.9
54 VHC	57,500	8.3	-15.8	6.7	5,307	92	28.3	59.9	254,531	8.7	1.9	22.7	12.3
55 FRT	78,000	-13.6	N/A	N/A	5,304	68	100.0	2.2	74,695	18.9	6.7	42.9	6.8
56 PVD	13,250	-1.1	-30.3	-42.4	5,073	383	48.1	25.2	932,620	N/A	0.4	0.1	0.0
57 TLG	98,400	-0.1	-1.5	-4.0	4,975	51	26.7	72.1	708	20.1	4.5	23.6	18.8
58 LGC	25,050	25.9	36.1	13.9	4,831	193	N/A	4.0	470	29.0	1.9	6.9	1.8
59 HAG	5,200	15.6	-15.4	-28.3	4,822	927	61.3	39.9	4,752,094	32.6	0.4	0.5	0.1
60 BMP	57,500	-7.4	-19.0	-34.5	4,707	82	39.0	26.0	245,884	10.4	1.9	18.3	16.3

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. Sales & Trading VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

VNDIRECT SALES & TRADING**Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : phong.sale.trading@vndirect.com.vn

Website: <http://vndirect.com.vn>